# 制度

## さまざまな制度があります

### 手当など

**児童手当**
高校生年代までの児童を養育している人に支給されます。転入・出生後 15 日以内に手続きが必要です。なお、請求日の翌月から支給対象となります。

**児童扶養手当**
父または母と生計を共にしていない、あるいは父または母が重度の障害をもつ 18 歳以下（心身に中度以上の障害がある場合は 20 歳未満）の子どもを養育している人に支給されます。
（所得制限やその他の支給要件があります。）

**特別児童扶養手当**
重度障害または中度障害のある 20 歳未満の子どもを養育している人に支給されます。
（所得制限やその他の支給要件があります。）

お問い合わせ：こども家庭課
☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

**障害児福祉手当**
著しく重度の障害があるため、日常生活において常時特別の介護が必要な在宅の子どもに支給されます。
（所得制限やその他の支給要件があります。）

**重度心身障害者（児）介護手当**
重度の心身障害者（児）を介護する人に支給されます。
（対象者などの支給要件があります。）

**自立支援医療（育成医療）給付**
身体に障害がある 18 歳未満の児童で、治療効果を期待できる指定医療機関の医療に対して公費負担が受けられます。保護者の所得状況に応じて自己負担があります。
（一定所得以上は対象にならないことがあります。）
お問い合わせ：障害福祉課
☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

# Chế độ

## Có nhiều chế độ khác nhau

### khoản trợ cấp, v.v.

**Trợ cấp trẻ em**
Được chi trả cho người đang nuôi dưỡng trẻ em đến độ tuổi học sinh trung học phổ thông .
Cần làm thủ tục trong vòng 15 ngày kể từ khi chuyển đến nơi ở mới hoặc sau khi trẻ được sinh ra. goài ra, trợ cấp sẽ được tính và chi trả từ tháng sau tháng nộp đơn.

**Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em**
Được chi trả cho những người đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tuổi (dưới 20 tuổi nếu trẻ có khuyết tật về thân thể hoặc tinh thần từ mức độ trung bình trở lên) mà không sống cùng cha hoặc mẹ, hoặc có cha hoặc mẹ bị khuyết tật nặng.
(Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

**Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt**
Được chi trả cho những người đang nuôi dưỡng trẻ em dưới 20 tuổi có khuyết tật nặng hoặc khuyết tật mức độ trung bình.
(Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

【Hỏi đáp】Phòng Trẻ em và Gia đình☎ 079-559-5072 Fax 079-563-3611

**Trợ cấp phúc lợi cho trẻ khuyết tật**
Được chi trả cho trẻ em khuyết tật đang sinh sống tại nhà, do có khuyết tật cực kỳ nghiêm trọng nên cần có sự chăm sóc đặc biệt thường xuyên trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.
(Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

**Trợ cấp chăm sóc người khuyết tật nặng (trẻ em)**
Trợ cấp này được trả cho những người chăm sóc người khuyết tật nặng (trẻ em).
(Có các yêu cầu về điều kiện, bao gồm cả tiêu chí đủ điều kiện.)

**Cấp phát y tế hỗ trợ tự lập**
Đối với trẻ em dưới 18 tuổi có khuyết tật về cơ thể, có thể nhận được sự chi trả từ ngân sách công cho các chi phí y tế tại các cơ sở y tế chỉ định mà việc điều trị có kỳ vọng mang lại hiệu quả. Sẽ có phần tự chi trả tùy thuộc vào tình trạng thu nhập của người bảo hộ.
Trường hợp thu nhập trên một mức nhất định có thể không thuộc đối tượng được hưởng.
【Hỏi đáp】Bộ phận Phúc lợi cho Người khuyết tật
☎ 079-559-5075 Fax 079-562-1294

**軽・中度難聴児補聴器購入費助成**
身体障害者手帳の交付対象とならない軽度・中度難聴児の言語の習得、教育における健全な発達を支援するため、18 歳以下の児童を対象に助成します。
（その他助成要件があります。）

**小児慢性特定疾病児童等日常生活用具給付**
小児慢性特定疾病児童等、児童福祉法第 19 条の 3 第 3 項に規定する医療費支給認定を受けた在宅の児童等に対し、特殊寝台等の日常生活用具を給付します。
（所得やその他給付要件があります。）

お問い合わせ：障害福祉課
☎ 079-559-5075　Fax 079-562-1294

**Trợ cấp chi phí mua máy trợ thính cho trẻ khiếm thính mức độ nhẹ và trung bình**
Nhằm hỗ trợ việc học ngôn ngữ và sự phát triển lành mạnh trong giáo dục cho trẻ khiếm thính mức độ nhẹ và trung bình không thuộc đối tượng được cấp Sổ tay người khuyết tật, chương trình hỗ trợ chi phí cho trẻ em từ 18 tuổi trở xuống.
(Có các điều kiện trợ cấp khác.)

**Cấp phát dụng cụ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mắc bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em, v.v.**
Cấp phát các dụng cụ sinh hoạt hàng ngày như giường chuyên dụng , v.v. cho những trẻ em đang sinh sống tại nhà đã được chứng nhận cấp chi phí y tế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19-3 của Luật Phúc lợi Nhi đồng, chẳng hạn như trẻ em mắc bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em.
(Có quy định về thu nhập và các điều kiện cấp phát khác.)
【Hỏi đáp】Bộ phận Phúc lợi cho Người khuyết tật
☎ 079-559-5075　Fax 079-562-1294

## 医療費助成

**乳幼児等・こども医療費の助成**
高校生期以下（18 歳に達した最初の 3 月 31 日までの間にある子ども）の医療費を助成します。未就学児および低所得世帯の通院は自己負担なし。低所得世帯を除く小学生・中学生・高校生期の通院は市民税（所得割額）に応じて自己負担があります。（1 日上限 800 円もしくは 400 円）入院は自己負担なし。
※令和 7 年 10 月以降は、世帯所得に関わらず、高校生期までの全ての子どもの医療にかかる自己負担が無料となります。

**母子、父子、遺児医療費の助成**
18 歳に達した最初の 3 月 31 日までの間にある子ども、及びその子どもを監護する母または父が通院・入院した場合の医療費を助成します。（高等専門学校等に在学中の場合は、20 歳に達する日の属する月末まで）
（所得制限があります。）

**重度障害者（児）医療費の助成**
身体障害者 1・2・3 級、療育手帳 A 判定、精神障害者保健福祉手帳 1 級の方が通院・入院した場合の医療費を助成します。
（所得制限があります。）

お問い合わせ：国保医療課給付係
☎ 079-559-5050　Fax 079-559-2636

## Hỗ trợ chi phí y tế

**Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và trẻ em**
hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em từ độ tuổi học sinh trung học phổ thông trở xuống
(tức là đến ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi). Trẻ chưa đi học và hộ gia đình thu nhập thấp thì khám bệnh ngoại trú không phải tự chi trả. Học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông (trừ hộ thu nhập thấp) thì khi khám ngoại trú sẽ có phần tự chi trả, tùy theo mức thuế cư trú (phần thu nhập chịu thuế) của hộ gia đình. (Mức trần mỗi ngày: 800 yên hoặc 400 yên)　Nhập viện thì không cần tự chi trả.
※Từ tháng 10 năm 2025 trở đi, không phân biệt thu nhập của hộ gia đình, toàn bộ chi phí y tế tự chi trả của tất cả trẻ em cho đến độ tuổi học sinh trung học phổ thông sẽ được miễn phí.

**Hỗ trợ chi phí y tế cho mẹ đơn thân, cha đơn thân và trẻ mồ côi**
Hỗ trợ chi phí y tế trong trường hợp trẻ em (trong khoảng thời gian cho đến ngày 31 tháng 3 đầu tiên sau khi tròn 18 tuổi) và người mẹ hoặc người cha đang giám hộ trẻ đó đi khám ngoại trú hoặc nhập viện. Trường hợp đang theo học tại các trường cao đẳng chuyên nghiệp , v.v., thời gian hỗ trợ kéo dài đến cuối tháng ngày trẻ tròn 20 tuổi.
(Có giới hạn về thu nhập.)

**Hỗ trợ chi phí y tế cho người (trẻ em) khuyết tật nặng**
hỗ trợ chi phí y tế trong trường hợp những người có sổ tay người khuyết tật thân thể bậc 1, 2, 3; người có sổ tay phục hồi chức năng loại A; hoặc Sổ tay phúc lợi sức khỏe tinh thần bậc 1 đi khám ngoại trú hoặc nhập viện.
(Có giới hạn về thu nhập.)

【Hỏi đáp】Phòng Bảo hiểm Y tế Quốc dân Phần thanh toán
☎ 079-559-5050　Fax 079-559-2636

**小児慢性特定疾病医療費助成**
内分泌疾患・悪性新生物など厚生労働大臣の定める「小児慢性特定疾病」の患者（新規申請は 18 歳未満）で、国の認定基準を満たしている場合、医療費の一部を助成します。自己負担額は健康保険上の世帯員の市民税（所得割）額に応じて決定されます。

お問い合わせ：兵庫県宝塚健康福祉事務所（宝塚保健所）
☎ 0797-62-7308　Fax 0797-61-5188

**Hỗ trợ chi phí y tế cho bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em**
Thực hiện hỗ trợ một phần chi phí y tế đối với các bệnh nhân (đăng ký mới dưới 18 tuổi) mắc các "Bệnh mãn tính đặc định ở trẻ em" do Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định như bệnh nội tiết, khối u ác tính, v.v., và đáp ứng các tiêu chuẩn chứng nhận của quốc gia. Mức tự chi trả được quyết định dựa trên mức thuế thị dân (phần tính theo thu nhập) của các thành viên trong hộ gia đình theo bảo hiểm y tế.
【Hỏi đáp】P Văn phòng Phúc lợi Sức khỏe Takarazuka tỉnh Hyogo (Trung tâm Y tế Takarazuka). ☎ 0797-62-7308　Fax 0797-61-5188

## その他

**就学援助**
経済的理由によって就学困難な児童・生徒の保護者に、三田市立小・中学校で必要な費用の一部を援助しています。（所得制限やその他の支給要件があります。）

お問い合わせ：各小・中学校、または教育支援課学務担当
☎ 079-559-5136　Fax 079-559-6400

**大学等受験料・模擬試験受験料助成事業**
ひとり親世帯及び低所得世帯に、大学等を受験する際の受験料及び高等学校・大学等受験のための模擬試験受験料を助成します。
（所得制限やその他の支給要件があります）

お問い合わせ：子ども家庭課
☎ 079-559-5072　Fax 079-563-3611

**妊婦健康診査費の助成**
三田市に住民登録のある妊婦が妊婦健康診査を受診した場合、健診にかかる費用の一部を市が助成します。

**産婦健康診査費の助成**
申請時及び健診時に三田市に住民登録がある人で医療機関等で実施された出産後 9 週未満の産婦健康診査のうち、保険診療適用外の費用の一部を助成します。

お問い合わせ：子ども政策課
（三田市役所 2 階）☎ 079-559-5093　Fax 079-563-3611
（三田市総合福祉保健センター2 階）
☎ 079-559-5701　Fax 079-559-5705

## người khác

**Hỗ trợ đi học**
Thực hiện hỗ trợ một phần các chi phí cần thiết tại các trường Tiểu học và Trung học cơ sở công lập của thành phố Sanda cho những người bảo hộ có con em gặp khó khăn trong việc đi học vì lý do kinh tế. (Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác).
【Hỏi đáp】Các trường Tiểu học/Trung học cơ sở, hoặc Bộ phận Phụ trách Học vụ thuộc Phòng Hỗ trợ Giáo dục. ☎ 079-559-5136　Fax 079-559-6400

**Dự án hỗ trợ lệ phí thi đại học và lệ phí thi thử**
Hỗ trợ lệ phí khi dự thi đại học và lệ phí thi thử để thi vào trung học phổ thông hoặc đại học, v.v. cho các hộ gia đình đơn thân và hộ gia đình thu nhập thấp.
(Có giới hạn về thu nhập và các điều kiện chi trả khác.)

【Hỏi đáp】Phòng Trẻ em và Gia đình
☎ 079-559-5072　Fax 079-563-3611

**Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho phụ nữ mang thai**
Trong trường hợp phụ nữ mang thai có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda đi khám sức khỏe định kỳ cho thai phụ, thành phố sẽ hỗ trợ một phần chi phí　khám.

**Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho sản phụ**
Hỗ trợ một phần chi phí không thuộc phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế cho các buổi khám sức khỏe định kỳ sau sinh (dưới 9 tuần sau khi sinh) được thực hiện tại các cơ sở y tế, v.v. Đối tượng là những người có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda tại thời điểm đăng ký và thời điểm thăm khám.
【Hỏi đáp】 Ban chính sách trẻ em
(Toà thị chính, Tầng 2)☎ 079-559-5093　Fax 079-563-3611
(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)☎ 079-559-5701　Fax 079-559-5705

**低所得妊婦の初回産科受診費用の助成**
初回産科受診時の妊娠判定に必要な検査、診察など医療保険適用外（自費）で実施する費用のうち、上限 1 回 10,000 円を助成します。対象者の条件は、ホームページを確認してください。

お問い合わせ：子ども政策課
（三田市役所 2 階） ☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

**Hỗ trợ chi phí khám sản khoa lần đầu cho phụ nữ mang thai có thu nhập thấp**
Thực hiện hỗ trợ tối đa 10.000 Yên/lần cho các chi phí thực hiện ngoài phạm vi bảo hiểm y tế (tự túc), bao gồm các xét nghiệm và thăm khám cần thiết để xác định mang thai trong lần khám sản khoa đầu tiên. Vui lòng kiểm tra trang web để biết các điều kiện về đối tượng được thụ hưởng.

【Hỏi đáp】 Ban chính sách trẻ em
(Toà thị chính, Tầng 2)☎ 079-559-5093 Fax 079-563-3611

**不育症治療等費用の助成**
2 回以上の流産や死産、早期新生児死亡の既往があると医師に診断されている三田市内に住民票のある夫婦に医療保険が適用されていない不育症の検査費及び治療費の全額をそれぞれ 20 万円を上限に助成します。（1 年度に 1 回限り）

**不妊治療ペア検査費用の助成**
夫婦そろって不妊検査を受診した場合、夫婦のいずれかが三田市に住所等がある人について、医療保険が適用されない不妊検査費の金額を 5 万円を上限に市が助成します。（夫婦 1 組につき 1 回限り）

**未熟児養育医療給付**
身体の発育が未熟なまま出生した新生児で、指定医療機関の医師が入院養育を必要と認めた場合に入院医療費と入院時食事療養費の自己負担額の給付が受けられます。対象となる方は早目にご相談ください。

**新生児聴覚検査費助成制度**
令和 7 年 4 月 1 日以降に子どもが生まれた世帯に対し、検査費の全額（上限 5 千円）を助成します。検査費の助成は令和 7 年 10 月 1 日より開始し、令和 7 年 4 月 1 日に遡って助成します。詳細はホームページをご確認ください。

**1 か月児健康診査費の助成**
令和 7 年 4 月 1 日以降に生まれた世帯に対し、健診費用の全額（上限 6 千円）を助成します。健診費用の助成は令和 7 年 10 月 1 日より開始し、令和 7 年 4 月 1 日に遡って助成します。詳細はホームページをご確認ください。

お問い合わせ：子ども政策課
（三田市総合福祉保健センター2 階）☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

**Hỗ trợ chi phí điều trị sảy thai liên tiếp, v.v.**
Hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm tra và điều trị sảy thai liên tiếp không thuộc phạm vi bảo hiểm y tế cho các cặp vợ chồng có đăng ký cư trú tại thành phố Sanda, được bác sĩ chẩn đoán có tiền sử từ 2 lần sảy thai, thai chết lưu hoặc tử vong sơ sinh sớm trở lên. Mức hỗ trợ tối đa là 200.000 Yên cho mỗi loại (chỉ giới hạn 1 lần trong 1 năm tài chính).

**Hỗ trợ chi phí kiểm tra vô sinh cho cặp vợ chồng**
Trường hợp cả vợ và chồng cùng đi kiểm tra vô sinh, nếu một trong hai người có địa chỉ cư trú tại thành phố Sanda, thành phố sẽ hỗ trợ chi phí kiểm tra vô sinh không thuộc phạm vi bảo hiểm y tế với mức tối đa là 50.000 Yên (chỉ giới hạn 1 lần cho mỗi cặp vợ chồng).

**Cấp phát y tế nuôi dưỡng trẻ sinh non**
Đối với trẻ sơ sinh có cơ thể phát triển chưa hoàn thiện và được bác sĩ tại cơ sở y tế chỉ định xác nhận cần phải nhập viện để nuôi dưỡng, trẻ sẽ được nhận hỗ trợ cho phần chi phí tự trả của phí y tế nhập viện và chi phí ăn uống trong thời gian nhập viện. Những người thuộc đối tượng tiếp nhận trợ cấp hãy liên hệ tư vấn sớm.

**Chế độ hỗ trợ chi phí kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh**
Đối với các hộ gia đình có con sinh ra từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 trở đi, thành phố sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí kiểm tra (tối đa 5.000 Yên). Việc hỗ trợ chi phí kiểm tra sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và được áp dụng truy hồi cho các trường hợp từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.

**Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi**
Đối với các hộ gia đình có con sinh ra từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 trở đi, thành phố sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí khám sức khỏe (tối đa 6.000 Yên). Việc hỗ trợ chi phí khám sức khỏe sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và được áp dụng truy hồi cho các trường hợp từ ngày 1 tháng 4 năm 2025. Cụ thể xin hãy xác nhận tại trang web của thành phố.
【Hỏi đáp】 Ban chính sách trẻ em
(Trung tâm bảo vệ sức khỏe thành phố Sanda, Tầng 2)☎ 079-559-5701 Fax 079-559-5705

**出産育児一時金**
妊娠4か月（満 12 週）以上で分娩した場合に支給されます。
お問い合わせ：出産時点で加入している健康保険

**育児休業給付金**
雇用保険に加入されている人が育児休業により勤務できなかった場合に、休業日数に応じて支給されます。
お問い合わせ：勤務先

**空き家リフォーム補助事業**
若年・子育て世帯（パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む）が市内にある空き家を取得し、自己居住用として改修する場合に必要な改修費の一部を補助します。

お問い合わせ：都市デザイン課
☎ 079-559-5128　Fax

**結婚新生活支援事業（ハッピーウエディング応援制度）**
市内で新婚生活をスタートさせようとする世帯（パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む）を対象に、結婚に伴う新生活のスタートアップにかかる費用（家賃・引越費用等）を支援します。

**住み替え支援補助事業（「住みかエール」補助制度）**
市内で新築・中古住宅を購入する市内・外の若年・子育て世帯など（パートナーシップ・ファミリーシップ宣誓者を含む）へ住宅取得にかかる費用を支援します。

お問い合わせ：移住定住促進課
☎ 079-555-6776　Fax 079-563-1366

**Tiền trợ cấp thai sản và nuôi con**
Được chi trả trong trường hợp sinh con khi mang thai từ tháng thứ 4 (tròn 12 tuần) trở lên.
【Hỏi đáp】 Bảo hiểm y tế đang tham gia tại thời điểm sinh.

**Tiền trợ cấp nghỉ nuôi con**
Được chi trả tương ứng với số ngày nghỉ trong trường hợp người có tham gia bảo hiểm thất nghiệp không thể đi làm do nghỉ nuôi con.
【Hỏi đáp】 Nơi làm việc.

**Dự án hỗ trợ cải tạo nhà bỏ hoang**
Hỗ trợ một phần chi phí cải tạo cần thiết trong trường hợp các hộ gia đình trẻ hoặc hộ gia đình đang nuôi con (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác - Partnership/Quan hệ gia đình - Familyship) mua lại nhà bỏ hoang trong thành phố để cải tạo làm nơi ở cho chính mình.
【Hỏi đáp】 Bộ phận Thiết kế Đô thị

**ự án hỗ trợ cuộc sống hôn nhân mới (Chế độ ủng hộ Đám cưới Hạnh phúc)**
Hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc khởi đầu cuộc sống mới khi kết hôn (tiền thuê nhà, chi phí chuyển nhà, v.v.) dành cho các hộ gia đình định bắt đầu cuộc sống mới trong thành phố (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác/Quan hệ gia đình).

**Chương trình trợ cấp hỗ trợ tái định cư nhà ở (hệ thống trợ cấp "Sumika Yell")**
Hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc mua nhà cho các hộ gia đình trẻ hoặc hộ gia đình đang nuôi con, v.v. (bao gồm cả những người đã tuyên thệ Quan hệ đối tác/Quan hệ gia đình) ở trong hoặc ngoài thành phố thực hiện mua nhà xây mới hoặc nhà cũ trong thành phố.

【Hỏi đáp】 Ban xúc tiến di cư và định cư
☎ 079-555-6776　Fax 079-563-1366